ĐỀ KIỂM TRA SỐ 5

Câu 1. Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các
A. hải đảo. B.đảo ven bờ. C.đảo xa bờ. D. quần đảo.

Câu 2. Biện pháp nàosau đây được sửdụng trong bảo vệ đấtở đồng bằng nước ta?
A. Làm ruộng bậc thang. B. Chống nhiễm mặn.
C. Trồng cây theo băng. D. Đào hố kiểu vẩy cá.

Câu 3. Nơi nào sau đây ở nước tacó động đất biểu hiện rất yếu?
A. Tây Bắc. B.Đông Bắc. C. Miền Trung. D. Nam Bộ.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?
A. Cà Mau. B. Điện Biên. C. Hà Giang. D. Gia Lai.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông
A.Đồng Nai. B. Thu Bồn. C. Mã. D. Cả.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vàotháng X?
A. Lạng Sơn. B. Đồng Hới. C. Nha Trang. D.Đà Lạt.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
A. Pu Sam Sao. B. Pu Đen Đinh. C. Phu Luông. D. Đông Triều.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Quảng Trị?
A. Hồng Lĩnh. B. Đồng Hới. C. Cửa Lò. D. Đông Hà.

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết trâu được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Trị. B. Ninh Bình. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng không có ngành chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?
A.Chè, cà phê, thuốc lá, hạt điều. B.Rượu, bia, nước giải khát.
C.Đường sữa, bánh kẹo. D.Sản phẩm chănnuôi.

Câu 11. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 19 nối Pleiku với nơi nào sau đây?
A.Quy Nhơn. B. Tuy Hòa. C.Quảng Ngãi. D. Nha Trang.

Câu 12. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đâycó giátrị sản xuất lớn nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. Cẩm Phả. B. Hạ Long. C. Thái Nguyên. D. Việt Trì.

Câu 13. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?
A. Vĩnh Sơn. B. A Vương. C. Sông Hinh. D. Yaly.

Câu 14. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đâycó cácngành cơ khí, đóng tàu?
A. Rạch Giá. B. Cà Mau. C. Kiên Lương. D. Long Xuyên.

Câu 15. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết đất feralit trên đá badan phân bố chu yếu ở vùng nào?
A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 16. Gió mùa Tây Nam thổi vào nước ta có nguồn gốc từ khối khí nào sau đây?
A. Cực lục địa phương Bắc. B. Nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương,
C. Chí tuyến bán cầu Bắc. D. Chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 17. Đất ở dải đồng bằng ven biển miền Trung thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa do nguyên nhân nào sau đây?
A. Biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành. B. Đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
C. Đồng bằng phần nhiều hẹp ngang. D. Có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.

Câu 18. Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, vùng đặc quyền kinh tế là
A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
B. vùng biển rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở.
C. vùng biển liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
D. phần ngầm dưới biển và vùng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài.

Câu 19. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13-14, hãy cho biết theo thứ tự từ Bắc vào Nam lần lượt là các vịnh biển nào?
A. Cam Ranh, Vân Phong, Xuân Đài, Diễn Châu, Hạ Long.
B. Hạ Long, Diễn Châu, Xuân Đài, Vân Phong, Cam Ranh.
C. Cam Ranh, Vân Phong, Diễn Châu, Xuân Đài, Hạ Long.
D. Hạ Long, Cam Ranh, Vân Phong, Xuân Đài, Diễn Châu.
Câu 20. Vùng có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất nước ta là
A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
Câu 21. Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi nước ta **không có** đặc điểm nào sau đây?
A. Có các loài thú có lông dày. B. Đất chủ yếu là đất mùn thô.
C. Không có tháng nào nhiệt độ trên 25°c. D. Hình thành hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim.
Câu 22. Đất feralit có đặc tính chua là do nguyên nhân nào sau đây?
A. Mưa nhiều rửa trôi các chất badơ dễ tan. B. Quá trình phong hóa mạnh.
C. Có sự tích tụ oxit sắt (Fe203) D. Có sự tích tụ oxit nhôm (A1203)
Câu 23. Đặc điểm nào sau đây là của vùng núi Trường Sơn Nam?
A. Có 4 cánh cung lớn. B. Gồm các khối núi và cao nguyên.
C. Có 3 dải địa hình cùng hướng tây bắc- đông nam. D. Gồm các dãy núi song song và so le nhau.
Câu 24. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết đỉnh lũ trên sông Mê Công vào tháng nào sau đây?
A. Tháng 10 B. Tháng 9 C. Tháng 1 D. Tháng 12.
Câu 25. Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên
A. Khí hậu có hai mùa rõ rệt. B. có tài nguyên khoáng sản phong phú.
C. hình thành các vùng tự nhiên khác nhau. D. có nền nhiệt độ cao.
Câu 26. Vùng chịu ngập lụt quan trọng nhất nước ra là vùng nào sau đây?
A. Đồng bằng sông Hồng B. Các đồng bằng ở Bắc Trung Bộ
C. Đồng bằng sông Cửu Long D. Các đồng bằng ở Duyên hai Nam Trung Bộ.
Câu 27. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị có quy mô dân số (năm 2007) trên 1 triệu người là những đô thị nào sau đây?
A. Hải Phòng, Thái Nguyên, Đà Nẵng B. Hạ Long, Buôn Ma Thuột, cần Thơ.
C. Biên Hòa, Huế, Thanh Hóa. D. Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh.
Câu 28. Khó khăn lớn nhất trong sử dụng tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là gì?
A. Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô. B. Chế độ nước của sông ngòi thất thường,
c. Nhiều thiên tai: bão, lũ, trượt lở đất. D. Sự bất thường của nhịp điệu mùa khí hậu.
Câu 29. Trong chế độ mưa nước ta, tháng mưa lớn nhất ở Nam Bộ đến muộn hon so với Bắc Bộ là do nguyên nhân nào sau đây?
A. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến Nam Bộ sớm hơn.
B. Gió mùa Tây Nam hoạt động ở Nam Bộ kết thúc muộn hơn.
C. Dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
D. Vị trí Nam Bộ gần xích đạo hon.
Câu 30. Khó khăn lớn nhất của khu vực đồi núi nước ta đối với việc phát triển kinh tế - xã hội là
A. địa hình bị chia cắt mạnh. B. các hiện tượng thời tiết cực đoan.
C. dễ xảy ra các thiên tai. D. có nguy co phát sinh động đất.
Câu 31. Vào mùa đông, miền Bắc nước ta vẫn còn có những ngày trời nắng, thời tiết ổn định nhiệt độ cao do hoạt động của loại gió nào sau đây?
A. Gió mùa Đông Bắc B. Gió mùa Tây Nam
C. Tín phong bán cầu Bắc D. Tín phong bán cầu Nam
Câu 32: Với chiều dài 2100Km là chiều dài biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với:
A. Campuchia. B. Lào.
C. Trung Quốc. D. Các nước trên bán đảo Đông Dương.

Câu 33: Điểm cực Bắc của nước ta ($23^0$23'B) nằm ở:
A. Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
B. Xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
C. Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
D. Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
Câu 34: Thế mạnh lớn nhất của khu vực đồi núi nước ta là:
A. Khí hậu mát mẻ. B. Khoáng sản phong phú, đa dạng.
C. Phát triển giao thông. D. Phát triển du lịch.
Câu 35: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của nước ta?
A. Vừa gắn liền với lục địa Á - Âu, vừa tiếp giáp với biển Đông và thông ra Thái Bình Dương rộng lớn.
B. Trên đất liền và trên biển, tiếp giáp với Trung Quốc và tất cả các nước của khu vực Đông Nam Á.
C. Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
D. Có kinh tuyến 105^0Đ chạy qua nên đại bộ phận lãnh thổ nằm trong múi giờ múi giờ số 7.
Câu 36: Hạn chế lớn nhất của biển Đông là:
A. Chịu tác động của bão và gió mùa Đông Bắc.
B. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và sóng lừng.
C. Tài nguyên sinh vật đang bị suy giảm.
D. Chịu ảnh hưởng sóng thần do hoạt động của động đất, núi lửa.
Câu 37: Quá trình xâm thực xảy ra mạnh mẽ ở những nơi có
A. Địa hình cao, lượng mưa nhỏ. B. Địa hình thấp, lượng mưa lớn.
C. Địa hình thấp, lượng mưa nhỏ. D. Địa hình cao, sườn dốc, lượng mưa lớn
Câu 38: Đất mặn, đất phèn chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên của
A. Các đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ. B. Các đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng.
Câu 39: Nhận định nào sau đây **không** đúng về thế mạnh tự nhiên của khu vực đồng bằng đối với phát triển KT- XH?
A. Là cơ sở phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng nông sản
B. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: khoáng sản, thủy sản,..
C. Nguồn thủy năng dồi dào, khoáng sản phong phú, đa dạng
D. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường song
Câu 40: Hình thái của đồng bằng sông Hồng có đặc điểm?
A. Cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc, thấp dần ra biển
B. Cao ở rìa phía Đông, giữa thấp trũng
C. Thấp phẳng, có nhiều ô trũng lớn
D. Vùng trong đê có nhiều ô trũng thường xuyên bị ngập nước